

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Hà Nội - Tháng 02 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tasco trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 26 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do chuyển trụ sở chính lên Hà Nội số 0103021321 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 27/8/2010. Vốn điều lệ của Công ty là 349.976.000.000 đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch
	Bà Đỗ Kim Định	Phó Chủ tịch
	Bà Nguyễn Thị Thúy	Ủy viên
	Ông Phạm Văn Lương	Ủy viên
	Ông Trần Xuân Lương	Ủy viên
	Ông Vũ Quang Lâm	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Đoàn	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Phạm Văn Lương	Tổng Giám đốc
	Ông Hà Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc Phát triển Hạ tầng (bổ nhiệm ngày 22/7/2011)
	Ông Nguyễn Đình Siêu	Phó Tổng Giám đốc Phát triển nhà (bổ nhiệm ngày 22/7/2011)
	Bà Trần Thị Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm ngày 22/7/2011)
	Ông Trần Ngọc Thăng	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh (bổ nhiệm ngày 22/7/2011)
	Ông Hồ Trọng Vinh	Phó Tổng Giám đốc Nội chính (bổ nhiệm ngày 22/7/2011)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Phạm Văn Lương

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Số: 110/2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Tasco

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
 Công ty Cổ phần Tasco

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 28/02/2012 của Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 04 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tasco tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Đinh Văn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		951.557.105.103	1.103.563.764.613
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	97.397.504.575	79.918.871.489
1. Tiền	111		15.797.504.575	28.615.371.489
2. Các khoản tương đương tiền	112		81.600.000.000	51.303.500.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37.048.599.751	83.017.324.103
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	37.048.599.751	83.017.324.103
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		579.220.706.194	699.173.659.443
1. Phải thu khách hàng	131		277.888.860.846	331.814.333.825
2. Trả trước cho người bán	132		288.335.919.561	343.994.056.075
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	13.816.752.503	23.907.283.927
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(820.826.716)	(542.014.384)
IV- Hàng tồn kho	140		111.869.089.952	106.332.310.463
1. Hàng tồn kho	141	5.4	111.869.089.952	106.332.310.463
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		126.021.204.631	135.121.599.115
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	296.142.711
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		86.506.718.361	75.640.551.197
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	-	1.124.703.943
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	39.514.486.270	58.060.201.264
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		2.046.462.727.703	1.550.950.695.618
II- Tài sản cố định	220		1.837.500.779.340	1.489.314.590.039
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	28.135.210.777	24.283.207.507
- Nguyên giá	222		42.400.227.377	36.687.179.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.265.016.600)	(12.403.972.356)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	1.705.694.035	2.204.809.627
- Nguyên giá	225		3.696.827.727	3.696.827.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.991.133.692)	(1.492.018.100)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	755.819.348	288.610.039
- Nguyên giá	228		1.257.326.288	601.639.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(501.506.940)	(313.029.849)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	1.806.904.055.180	1.462.537.962.866
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		194.638.352.980	59.161.532.980
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.11	165.058.352.980	40.541.532.980
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.12	22.740.000.000	11.440.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.12	6.840.000.000	7.180.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		14.323.595.383	2.474.572.599
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	14.261.595.383	1.791.457.632
3. Tài sản dài hạn khác	268		62.000.000	683.114.967
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.998.019.832.806	2.654.514.460.231

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		2.488.611.841.430	2.181.266.844.864
I- Nợ ngắn hạn	310		642.015.007.893	1.076.954.487.324
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	219.312.895.203	383.809.238.736
2. Phải trả người bán	312		77.878.539.028	30.491.979.857
3. Người mua trả tiền trước	313		167.238.218.106	169.620.662.851
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	2.099.583.326	5.688.403.133
5. Phải trả người lao động	315		2.533.243.689	2.438.381.304
6. Chi phí phải trả	316	5.16	51.874.353.003	33.066.013.540
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.17	120.887.792.053	450.920.967.698
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		190.383.485	918.840.205
II- Nợ dài hạn	330		1.846.596.833.537	1.104.312.357.540
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.18	971.594.010.954	420.138.750.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.19	874.398.136.311	683.303.351.328
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		184.662.675	184.662.675
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		420.023.597	685.593.537
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		509.407.991.376	473.247.615.367
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	509.407.991.376	473.247.615.367
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		349.976.000.000	349.976.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		72.257.032.987	72.292.032.987
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.579.801.777	6.013.460.624
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.192.450.606	2.496.467.914
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		62.402.706.006	42.469.653.842
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.998.019.832.806	2.654.514.460.231

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
1. Tài sản thuê ngoài		2.103.739.050	2.103.739.050
4. Nợ khó đòi đã xử lý		420.531.850	459.575.032

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhân

Phạm Văn Lương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	967.723.223.897	750.646.443.726
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.21	48.880.852.018	7.147.234.879
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		918.842.371.879	743.499.208.847
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	810.580.750.788	654.880.553.664
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		108.261.621.091	88.618.655.183
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	23.144.289.344	19.697.965.813
7. Chi phí tài chính	22	5.24	14.981.009.466	8.510.364.111
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.406.009.466</i>	<i>7.685.364.111</i>
8. Chi phí bán hàng	24		7.324.336.968	6.126.206.976
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.421.787.944	26.966.776.263
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		80.678.776.057	66.713.273.646
11. Thu nhập khác	31	5.25	4.738.832.824	97.152.611.315
12. Chi phí khác	32	5.25	2.687.782.123	73.636.079.175
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.25	2.051.050.701	23.516.532.140
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		82.729.826.758	90.229.805.786
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	17.675.120.752	16.310.151.943
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		65.054.706.006	73.919.653.843
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	1.859	3.778

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhàn

Phạm Văn Lương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	82.729.826.758	90.229.805.786
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.903.893.496	4.008.649.675
- Các khoản dự phòng	03	278.812.332	(34.543.210)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.550.921.399)	(44.285.153.973)
- Chi phí lãi vay	06	14.406.009.466	7.685.364.111
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	92.767.620.653	57.604.122.389
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	51.644.864.090	(422.496.611.236)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.536.779.489)	(19.520.133.540)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	287.274.176.187	655.282.309.844
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(12.173.995.040)	301.309.885
- Tiền lãi vay đã trả	13	(14.406.009.466)	(7.685.364.111)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(22.476.825.398)	(13.644.508.720)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(6.639.511.504)	(7.045.884.356)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	370.453.540.033	242.795.240.155
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(353.469.674.072)	(1.031.176.743.341)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.501.569.697	8.091.101.948
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(25.244.567.048)	(56.767.324.103)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	41.060.000.000	10.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(28.490.000.000)	(25.603.532.980)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	500.000.000	5.330.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.451.679.344	19.637.742.671
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(342.690.992.079)	(1.080.478.755.805)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	278.930.532.987
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	659.230.749.808	1.176.697.938.313
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(644.451.818.676)	(663.418.289.743)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(742.761.600)	(1.519.112.330)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.320.084.400)	(27.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.283.914.868)	763.691.069.227
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	17.478.633.086	(73.992.446.423)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	79.918.871.489	153.911.317.912
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	97.397.504.575	79.918.871.489

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhân

Phạm Văn Lương

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 26 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do chuyển trụ sở chính lên Hà Nội số 0103021321 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 27/8/2010. Vốn điều lệ của Công ty là 349.976.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị	4.524.480	45.244.800.000	13%
Cổ đông khác	30.473.120	304.731.200.000	87%
Tổng	34.997.600	349.976.000.000	100%

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết Cổ phiếu theo Quyết định số 125/QĐ-TTGDHN ngày 04/4/2008 do Giám đốc Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội ký, chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Tasco. Ngày 04/4/2008, Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) với mã cổ phiếu là HUT.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 33, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân: 199 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, san lấp mặt bằng;
- Xây lắp điện, nước;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Tư vấn giám sát công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng;
- Mua bán, cho thuê, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Dịch vụ du lịch, nhà hàng, ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện);
- Sản xuất điện;
- Đại lý bán điện;
- Kinh doanh, khai thác công trình kết cấu hạ tầng;
- Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Kinh doanh bãi đỗ xe và gara.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, san lấp mặt bằng, kinh doanh phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan khác đến việc lập và phát hành Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2011</u>
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 06
Phương tiện vận tải	05 - 09

Tài sản cố định thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	03 - 06

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao*****Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình Quyền sử dụng đất là Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn tại số 20 Điện Biên, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định. Quyền sử dụng đất được phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Phần mềm kế toán và phần mềm quản lý

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Đầu tư vào các công ty con

Đầu tư vào Công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Công ty mẹ vào Công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo của Công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ, chi phí in vé tại trạm thu phí được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn là lãi trái phiếu trả trước với thời gian 1 năm kể từ ngày 12/5/2011 theo kết quả phát hành trái phiếu của Công ty.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. .

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí đi vay trong kỳ được vốn hóa với tổng số tiền là 104.724.017.080 đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	1.148.746.293	932.157.849
Tiền gửi ngân hàng	13.847.655.282	25.183.213.640
Tiền đang chuyển	801.103.000	2.500.000.000
Các khoản tương đương tiền	81.600.000.000	51.303.500.000
Tổng	97.397.504.575	79.918.871.489

Các khoản tương đương tiền của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	35.354.219.751	40.864.032.703
Đầu tư ngắn hạn khác	1.694.380.000	42.153.291.400
- Công ty CP Tasco Nam Thái	-	30.153.291.400
- Công ty CP Bất động sản Thái An	-	12.000.000.000
- Công ty CP Tasco 10	1.000.000.000	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	694.380.000	-
Tổng	37.048.599.751	83.017.324.103

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.612.500.000	2.239.000.000
Phải thu khác	12.204.252.503	21.668.283.927
- Ban QLDA tuyến đường BT Xuân Phươg	1.703.288.192	-
- Ban Quản lý Dự án huyện Từ Liêm	-	14.216.577.000
- Công ty CP Tasco 10	3.030.000.000	-
- Phải thu khác	9.083.464.311	7.451.706.927
Tổng	13.816.752.503	23.907.283.927

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	24.849.854	523.170.046
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	111.844.240.098	105.809.140.417
Tổng	111.869.089.952	106.332.310.463

5.5 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	734.304.443
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	390.399.500
Tổng	-	1.124.703.943

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	37.812.854.256	58.060.201.264
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.125.176.234	-
Tài sản ngắn hạn khác	576.455.780	-
Tổng	39.514.486.270	58.060.201.264

Số dư Tạm ứng tại 31/12/2011 của Công ty là giá trị tạm ứng của các đội thi công công trình trong Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2011	21.391.658.240	5.148.014.514	6.800.264.245	3.347.242.864	36.687.179.863
Tăng trong năm	-	224.545.455	3.309.867.635	5.897.310.408	9.431.723.498
Mua trong năm	-	224.545.455	3.309.867.635	588.784.086	4.123.197.176
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	4.324.698.182	4.324.698.182
Phân loại lại tài sản	-	-	-	983.828.140	983.828.140
Giảm trong năm	1.423.424.751	2.252.633.053	-	42.618.180	3.718.675.984
Thanh lý, nhượng bán	439.596.611	2.252.633.053	-	42.618.180	2.734.847.844
Phân loại lại tài sản	983.828.140	-	-	-	983.828.140
Số dư tại 31/12/2011	19.968.233.489	3.119.926.916	10.110.131.880	9.201.935.092	42.400.227.377
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2011	4.532.603.360	4.330.769.499	2.288.884.910	1.251.714.587	12.403.972.356
Tăng trong năm	731.867.290	565.015.429	1.295.280.909	1.624.137.185	4.216.300.813
Khấu hao trong năm	731.867.290	565.015.429	1.295.280.909	1.624.137.185	4.216.300.813
Giảm trong năm	93.445.279	2.138.704.877	119.791.666	3.314.747	2.355.256.569
Thanh lý, nhượng bán	93.445.279	2.138.704.877	119.791.666	3.314.747	2.355.256.569
Số dư tại 31/12/2011	5.171.025.371	2.757.080.051	3.464.374.153	2.872.537.025	14.265.016.600
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2011	16.859.054.880	817.245.015	4.511.379.335	2.095.528.277	24.283.207.507
Tại 31/12/2011	14.797.208.118	362.846.865	6.645.757.727	6.329.398.067	28.135.210.777

Công ty đã thế chấp tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 16.426.703.327 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.456.382.564 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.8 Tài sản cố định thuê tài chính*Đơn vị tính: VND*

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2011	1.171.428.571	2.525.399.156	3.696.827.727
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<u>1.171.428.571</u>	<u>2.525.399.156</u>	<u>3.696.827.727</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2011	185.577.244	1.306.440.856	1.492.018.100
Tăng trong năm	144.955.212	354.160.380	499.115.592
Khấu hao trong năm	144.955.212	354.160.380	499.115.592
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<u>330.532.456</u>	<u>1.660.601.236</u>	<u>1.991.133.692</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2011	<u>985.851.327</u>	<u>1.218.958.300</u>	<u>2.204.809.627</u>
Tại 31/12/2011	<u>840.896.115</u>	<u>864.797.920</u>	<u>1.705.694.035</u>

5.9 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2011	102.878.251	498.761.637	601.639.888
Tăng trong năm	-	655.686.400	655.686.400
Mua trong năm	-	249.695.400	249.695.400
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	405.991.000	405.991.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<u>102.878.251</u>	<u>1.154.448.037</u>	<u>1.257.326.288</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2011	17.152.248	295.877.601	313.029.849
Tăng trong năm	4.304.232	184.172.859	188.477.091
Khấu hao trong năm	4.304.232	184.172.859	188.477.091
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<u>21.456.480</u>	<u>480.050.460</u>	<u>501.506.940</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2011	<u>85.726.003</u>	<u>202.884.036</u>	<u>288.610.039</u>
Tại 31/12/2011	<u>81.421.771</u>	<u>674.397.577</u>	<u>755.819.348</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 214.010.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ B09 - DN

5.10 Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.462.537.962.866	489.837.187.841
Tăng	548.853.394.348	1.038.509.526.677
Giảm trong năm	204.487.302.034	65.808.751.652
- <i>Kết chuyển tài sản cố định</i>	<i>4.730.689.182</i>	<i>2.840.484.342</i>
- <i>Kết chuyển chi phí</i>	<i>199.756.612.852</i>	<i>62.968.267.310</i>
Tại ngày 31 tháng 12	1.806.904.055.180	1.462.537.962.866

Chi tiết công trình

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Dự án khu Pháp Vân	19.380.541.755	5.736.216.873
Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 10	305.674.762.749	242.803.320.117
Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 21	360.651.727.211	233.469.963.798
Dự án Xuân Phương		
- <i>Dự án Đơn vị ở số 1</i>	<i>8.678.542.226</i>	<i>8.397.680.138</i>
- <i>Dự án Đơn vị ở số 2</i>	<i>94.122.732.146</i>	<i>31.341.719.375</i>
- <i>Dự án Đơn vị ở số 3</i>	<i>345.362.653.651</i>	<i>309.019.971.762</i>
Đường Lê Đức Thọ	303.955.583.184	196.782.751.062
Dự án rác thải	1.848.690.817	1.848.690.817
Dự án thủy điện	1.616.199.622	1.616.199.622
Dự án Khu đô thị mới Vân Canh - Hoài Đức	362.311.536.121	425.344.278.317
Dự án Khu đất 48 Trần Duy Hưng	1.268.708.973	635.554.374
Dự án hiện đại hóa trạm thu phí Tân Đệ	366.136.684	4.786.786.408
Dự án BT Sông Om	1.482.526.254	-
Các dự án khác	183.713.787	754.830.203
Tổng	1.806.904.055.180	1.462.537.962.866

5.11 Đầu tư vào Công ty con

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1. Công ty TNHH MTV Tasco 6	5.000	50.000.000	5.000	50.000.000
2. Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	306.000	3.060.000.000	306.000	3.060.000.000
3. Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	5.332.582	53.325.820.000	1.785.000	17.850.000.000
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	10.689.100	106.891.000.000	1.785.000	17.850.000.000
5. Công ty Cổ phần Tasco Thủ đô	173.153	1.731.532.980	173.153	1.731.532.980
Tổng	16.505.835	165.058.352.980	4.054.153	40.541.532.980

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ B09 - DN

5.11 Đầu tư vào Công ty con (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Vốn điều lệ (tr đồng)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	Hà Nội	6.000	51,00%	Xây lắp
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	125.000	51,00%	Xây lắp
3	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	50	100,00%	Thu phí đường bộ
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	Nam Định	385.000	51,00%	Xây lắp
5	Công ty Cổ phần Tasco Thủ đô	Hà Nội	6.000	51,00%	KD, môi giới BĐS

5.12 Đầu tư vào Công ty liên kết, Đầu tư dài hạn khác**Đầu tư vào Công ty liên kết****31/12/2011****01/01/2011**

	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1. Công ty CP Bất động sản Thái An	1.385.000	13.850.000.000	180.000	1.800.000.000
2. Công ty CP Tasco Thăng Long	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
3. Công ty CP Tasco 10	-	-	353.000	3.530.000.000
4. Công ty CP Tasco 3	-	-	66.000	660.000.000
5. Công ty CP Tasco Trường Phát	224.000	2.240.000.000	224.000	2.240.000.000
6. Công ty CP ĐT & XD Trường Giang	180.000	1.800.000.000	36.000	360.000.000
7. Công ty CP ĐT và XD Tiến Phát	105.000	1.050.000.000	105.000	1.050.000.000
8. Công ty CP D.Tech	200.000	2.000.000.000	-	-
Tổng	2.274.000	22.740.000.000	1.144.000	11.440.000.000

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Vốn điều lệ (tr đồng)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Hoạt động chính
1	Công ty CP Bất động sản Thái An	Hà Nội	200.000	30,00%	Xây lắp
2	Công ty CP Tasco Thăng Long	Hà Nội	6.000	30,00%	Xây lắp
3	Công ty CP Tasco Trường Phát	Nam Định	7.790	28,75%	Xây lắp
4	Công ty CP ĐT và XD Trường Giang	Hà Nội	6.000	30,00%	Xây lắp
5	Công ty CP ĐT và XD Tiến Phát	Nam Định	5.000	21,00%	Xây lắp
6	Công ty CP D.Tech	Hà Nội	10.000	20,00%	Xây lắp

Đầu tư dài hạn khác**31/12/2011****01/01/2011**

	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1. Công ty CP Tasco Du lịch	5.000	50.000.000	5.000	50.000.000
2. Cty CP Công nghệ Môi trường Xanh SERAPHIN	-	-	100.000	1.000.000.000
3. Công ty CP ĐT PT Nhà và Đô thị HUD8	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
4. Công ty CP Xây dựng cầu TASCO	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
5. Công ty Cổ phần TIC	133.000	1.330.000.000	133.000	1.330.000.000
6. Công ty CP Tasco 3	66.000	660.000.000	-	-
Tổng	684.000	6.840.000.000	718.000	7.180.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B09 - DN

5.13 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2011
	VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.791.457.632
Tăng	36.988.932.740
Phân bổ vào chi phí trong năm	24.518.794.989
Tại ngày 31 tháng 12	<u>14.261.595.383</u>

Chi tiết chi phí

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí in vé Trạm thu phí Tân Đệ	193.019.824	76.090.228
Chi phí in vé Trạm thu phí Mỹ Lộc	143.024.366	90.988.660
Lãi trái phiếu trả trước	12.562.271.917	-
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	1.363.279.276	1.624.378.744
Tổng	<u>14.261.595.383</u>	<u>1.791.457.632</u>

5.14 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	218.737.933.716	376.583.393.447
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Định	70.132.280.054	76.141.928.184
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	55.872.029.538	67.752.824.001
- Công ty Cổ phần Thành Công 5	-	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	69.067.617.812	77.823.641.262
- Ngân hàng TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	22.686.006.312	11.515.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Mỹ Đình	980.000.000	-
- Vay đối tượng khác	-	138.350.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	574.961.487	7.225.845.289
Tổng	<u>219.312.895.203</u>	<u>383.809.238.736</u>

Trong đó:

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định các khoản vay theo Công văn số 1456/TB-QHKH2 ngày 05/07/2011 của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định, mức dư nợ ngắn hạn tối đa là 153.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi ba tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2012. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn không quá một năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

5.14 Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2011 số 01/2011/HĐTDHM ngày 01/07/2011, mức dư nợ tối đa là 125.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty và các hình thức khác theo yêu cầu của ngân hàng.

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (ABBANK) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 45.11/HĐHM/II.20 ngày 13/07/2011, mức dư nợ tối đa là 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay của mỗi món vay được ghi trên giấy nhận nợ không quá 10 tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quy định của ABBANK, điều chỉnh 3 tháng/lần, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ tại thời điểm nhận nợ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty cam kết cầm cố/thế chấp cho ngân hàng quyền phải thu từ các hợp đồng thi công xây dựng các công trình.

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Dầu khí - Chi nhánh Thăng Long theo Văn bản phê duyệt số 1187a/2011/PD-HĐTDCC ngày 29 tháng 09 năm 2011 của Hội đồng tín dụng cấp cao Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu, mức dư nợ tối đa 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng chẵn). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/1 lần vào ngày 10 hàng tháng và được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty thế chấp các khoản phải thu/quyền đòi nợ khách hàng của Công ty; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

Khoản vay ngắn hạn hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Mỹ Đình: Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2011 số 159.11.011.535265.HMTD ngày 10/10/2011, mức dư nợ tối đa là 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/09/2012. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 9 tháng/khế ước, lãi suất cho vay xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty cam kết cầm cố/thế chấp cho ngân hàng quyền phải thu từ các hợp đồng thi công xây dựng các công trình.

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	800.997.444	5.602.702.090
Thuế thu nhập cá nhân	1.298.585.882	85.701.043
Tổng	2.099.583.326	5.688.403.133

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí giá vốn dịch vụ thu phí đường bộ	35.784.306.096	26.302.976.181
Trích trước chi phí giá vốn Khu đô thị Xuân Phương	9.031.299.392	5.124.276.211
Trích trước giá vốn Dự án Khu đô thị mới Vân Canh - LK 26, LK 22	5.117.717.915	-
Chi phí phải trả khác	1.941.029.600	1.638.761.148
Tổng	51.874.353.003	33.066.013.540

Năm 2011, Công ty trích trước chi phí khi tính thu nhập chịu thuế TNDN của 2 Trạm thu phí Tân Đức và Mỹ Lộc theo Công văn số 18169/BTC-CST ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

5.17 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.059.955.667	507.934.542
Các khoản phải trả, phải nộp khác	119.827.836.386	450.413.033.156
- <i>Đội thi công công trình đầu tư XD cơ bản dở dang</i>	20.600.317.783	27.416.694.848
- <i>Đội thi công công trình chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</i>	51.885.136.704	29.316.008.931
- <i>Tiền góp vốn các dự án</i>	-	370.085.358.000
- <i>Các khoản khác</i>	47.342.381.899	23.594.971.377
Tổng	120.887.792.053	450.920.967.698

5.18 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bắc Phương	150 000 000 000	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư XD Hà Việt	459.475.300.000	420.138.750.000
Phải trả dài hạn góp vốn thực hiện dự án khác	362.118.710.954	-
Tổng	971.594.010.954	420.138.750.000

Trong đó:

Phải trả dài hạn Công ty Cổ phần Bắc Phương góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT - TASCO ngày 20/01/2011 giữa Công ty Cổ phần Bắc Phương và Công ty Cổ phần Tasco về việc Hợp tác để đầu tư thứ phát Dự án Vân Canh và Dự án tòa nhà hỗn hợp văn phòng thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại Khu đô thị mới Pháp Vân - Hoàng Mai - Hà Nội. Số tiền hợp tác đầu tư 150 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ góp vốn tạm tính là 30%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.18 Phải trả dài hạn khác (Tiếp theo)

Phải trả dài hạn Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt góp vốn liên doanh theo Hợp đồng liên doanh số 19/2009/TASCO-HA VIET về việc Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) theo hình thức Xây dựng - chuyển giao (BT). Tổng mức đầu tư tạm tính là 1.349 tỷ đồng. Tỷ lệ giá trị đầu tư là Công ty Cổ phần Tasco chiếm 70%, Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt 30%. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt là nhà đầu tư thứ phát của Công ty Cổ phần Tasco tại tuyến đường này với giá trị 195 tỷ đồng.

Phải trả dài hạn góp vốn thực hiện dự án khác gồm các hợp đồng của cá nhân góp vốn với Công ty Cổ phần Tasco để thực hiện các dự án.

5.19 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	699.070.594.411	482.412.838.741
Vay ngân hàng	607.470.594.411	482.412.838.741
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Nam Định	31.661.853.772	14.145.173.218
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Nam Hà Nội	22.817.406.409	16.546.780.182
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Nam Định	403.593.000.000	302.971.111.111
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	147.637.734.230	147.637.734.230
- Sở Giao dịch I		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	187.400.000	312.440.000
- Ngân hàng TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	1.370.200.000	479.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	203.000.000	320.600.000
Vay các cá nhân	91.600.000.000	-
Trái phiếu phát hành	175.005.000.000	200.000.000.000
Nợ dài hạn	322.541.900	890.512.587
Thuê tài chính	322.541.900	890.512.587
Tổng	874.398.136.311	683.303.351.328

5.19 Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)**Trong đó:**

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Nam Định:

- *Hợp đồng số 11/2008/HĐTĐĐT tháng 9 năm 2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất theo quy định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng.*
- *Hợp đồng số 10/2008/HĐTĐĐT ngày 20/8/2008, số tiền vay tối đa 236.780.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian trả nợ gốc 13 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 10 (Km92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất theo quy định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng.*

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội:

- *Hợp đồng số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, số tiền vay tạm tính (gồm cả tiền Việt Nam và ngoại tệ quy đổi) 33.820.000.000 đồng, thời hạn vay 7 năm, thời gian trả nợ gốc 5 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay :” Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 10 (Km92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình”, lãi suất 03 tháng đầu tiên 15,8%/năm, lãi suất thay đổi 03 tháng một lần. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, trong đó ghi: sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.*
- *Hợp đồng số 01/2010/PLHĐ ngày 16 tháng 12 năm 2010 sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.*
- *Hợp đồng số 01/2010/HĐTDTH ngày 25/06/2010, số tiền vay 74.396.000.000 đồng (gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi), thời hạn vay 46 tháng, thời gian ân hạn 22 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên nhưng tối đa không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay để thực hiện dự án: Xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ (điểm cuối giao với đường 70) theo hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) số 68/HĐBT giữa UBND Huyện Từ Liêm và Công ty Cổ phần Tasco. Lãi suất vay áp dụng lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 3 tháng/1lần, lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm nhận nợ vay là 14%/năm, lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo theo thông báo lãi suất trung dài hạn của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội tại thời điểm điều chỉnh.*

Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I theo hợp đồng số 01/2009 ngày 27/3/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01.01/2010/HĐSĐTĐĐT/NHPT.SGDI, số tiền vay tạm tính 364.000.000.000 đồng, thời hạn vay 46 tháng, mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70), lãi suất 6,9%/năm, lãi suất quá hạn 10,35%.

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

- *Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 6 tháng/1lần chi tiết theo các khoản giải ngân.*

Trái phiếu phát hành: Số lượng 175.005 trái phiếu chuyển đổi mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu. Mục đích: Đầu tư vào các Dự án đơn vị ở số 3 và đơn vị ở số 2 - Khu đô thị mới Xuân Phương; Dự án khu nhà ở Báo Nhân dân và Văn phòng Trung ương Đảng và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.20 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2010	135.000.000.000	8.337.500.000	3.180.063.519	1.788.123.689	6.952.860.080	155.258.547.288
Tăng trong năm	214.976.000.000	63.954.532.987	2.833.397.105	708.344.225	73.919.653.843	356.391.928.160
Tăng vốn	214.976.000.000	63.954.532.987	-	-	-	278.930.532.987
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.833.397.105	708.344.225	-	3.541.741.330
Lãi	-	-	-	-	73.919.653.843	73.919.653.843
Giảm trong năm	-	-	-	-	38.402.860.081	38.402.860.081
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	38.402.860.081	38.402.860.081
Số dư tại 31/12/2010	349.976.000.000	72.292.032.987	6.013.460.624	2.496.467.914	42.469.653.842	473.247.615.367
Số dư tại 01/01/2011	349.976.000.000	72.292.032.987	6.013.460.624	2.496.467.914	42.469.653.842	473.247.615.367
Tăng trong năm	-	-	12.566.341.153	3.695.982.692	65.054.706.006	81.317.029.851
Phân phối lợi nhuận	-	-	12.566.341.153	3.695.982.692	-	16.262.323.845
Lãi	-	-	-	-	65.054.706.006	65.054.706.006
Giảm trong năm	-	35.000.000	-	-	45.121.653.842	45.156.653.842
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	45.121.653.842	45.121.653.842
Giảm khác	-	35.000.000	-	-	-	35.000.000
Số dư tại 31/12/2011	349.976.000.000	72.257.032.987	18.579.801.777	6.192.450.606	62.402.706.006	509.407.991.376

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị	45.244.800.000	45.244.800.000
Vốn góp của cổ đông khác	304.731.200.000	304.731.200.000
Tổng	349.976.000.000	349.976.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	349.976.000.000	135.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	214.976.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	349.976.000.000	349.976.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	24.498.320.000	27.000.000.000

d. Cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	21.497.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	21.497.600
Cổ phiếu phổ thông	-	21.497.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.997.600	34.997.600
Cổ phiếu phổ thông	34.997.600	34.997.600

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu***5.21 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây dựng	650.503.849.375	655.769.399.315
Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.670.287.274	39.585.196.956
Doanh thu Bất động sản	276.549.087.248	55.291.847.455
Tổng	967.723.223.897	750.646.443.726
Các khoản giảm trừ doanh thu	48.880.852.018	7.147.234.879
Giảm giá hàng bán	9.897.153.203	7.147.234.879
Hàng bán bị trả lại	38.983.698.815	-
Doanh thu thuần	918.842.371.879	743.499.208.847

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.22 Giá vốn hàng bán

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	609.196.034.867	608.066.397.243
Giá vốn dịch vụ	9.481.329.915	16.023.853.305
Giá vốn Bất động sản	191.903.386.006	30.790.303.116
Tổng	810.580.750.788	654.880.553.664

5.23 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.330.371.744	17.319.542.671
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.782.610.000	2.318.200.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	31.307.600	60.223.142
Tổng	23.144.289.344	19.697.965.813

5.24 Chi phí tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	14.406.009.466	7.685.364.111
Chi phí hoạt động tài chính khác	575.000.000	825.000.000
Tổng	14.981.009.466	8.510.364.111

5.25 Lợi nhuận khác

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.501.569.697	5.501.250.913
Bàn giao dự án đầu tư	-	62.968.267.310
Đánh giá lại tài sản góp vốn	-	23.530.000.000
Thu nhập khác	3.237.263.127	5.153.093.092
Tổng	4.738.832.824	97.152.611.315
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý, góp vốn	113.928.176	4.383.839.611
Giá trị của dự án chuyển nhượng	-	62.968.267.310
Chi phí khác	2.573.853.947	6.283.972.254
Tổng	2.687.782.123	73.636.079.175
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	2.051.050.701	23.516.532.140

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	82.729.826.758	90.229.805.786
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.782.610.000	2.318.200.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.766.373.713	200.658.192
Thu nhập chịu thuế	82.713.590.471	88.112.263.978
Trong đó:		
- <i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động thu phí đường bộ</i>	<i>24.026.214.926</i>	<i>22.871.656.206</i>
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.675.120.752	16.310.151.943
Thuế thu nhập theo thuế suất thông thường	20.678.397.617	22.028.065.995
Miễn giảm của hoạt động hoạt động thu phí đường bộ	(3.003.276.865)	(5.717.914.052)
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Tổng	17.675.120.752	16.310.151.943

Thu nhập chịu thuế của hoạt động thu phí đường bộ: được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ năm 2009 và giảm 50% cho 03 năm tiếp theo theo Công văn số 3429/BTC-CST ngày 19/3/2010 của Bộ Tài chính.

5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	65.054.706.006	73.919.653.843
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	65.054.706.006	73.919.653.843
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	34.997.600	19.566.446
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.859	3.778

5.28 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.822.424.823	149.356.130.912
Chi phí nhân công	41.108.750.192	68.768.006.422
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.903.893.496	4.008.649.675
Chi phí dịch vụ mua ngoài	516.255.008.533	460.121.830.857
Chi phí khác bằng tiền	217.986.144.580	344.678.929.408
Tổng	865.076.221.624	1.026.933.547.274

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	Cho Công ty vay	4.000.000.000	4.000.000.000
Bà Đỗ Kim Định	Phó Chủ tịch	Cho Công ty vay	4.000.000.000	4.000.000.000
Ông Phạm Văn Lương	Ủy viên	Cho Công ty vay	3.600.000.000	3.600.000.000
Ông Vũ Quang Lâm	Ủy viên	Cho Công ty vay	3.500.000.000	3.500.000.000
Bà Trần Thị Thanh Tân	Phó TGD	Cho Công ty vay	3.500.000.000	3.500.000.000
Tổng			15.100.000.000	15.100.000.000
			Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành		Lương và thù lao	3.152.110.335	3.394.585.523
Tổng			3.152.110.335	3.394.585.523

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giao dịch mua hàng		353.596.828.537	205.959.419.692
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	Công ty con	11.481.817.985	26.747.163.216
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Công ty con	17.895.179.801	13.910.773.636
Công ty Cổ phần Tasco 6	Công ty con	6.560.042.026	6.293.285.864
Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	Công ty con	234.729.282.095	136.427.291.736
Công ty CP Bất động sản Thái An	Công ty liên kết	52.007.737.959	22.580.905.240
Công ty CP Tasco Trường Phát	Công ty liên kết	28.669.488.262	-
Công ty CP ĐT và XD Tiến Phát	Công ty liên kết	2.253.280.409	-
Giao dịch bán hàng		156.243.336.831	116.837.479.153
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	Công ty con	1.390.910	-
Công ty Cổ phần Tasco 6	Công ty con	40.670.287.274	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	Công ty con	816.159.091	60.834.192.492
Công ty CP Bất động sản Thái An	Công ty liên kết	114.755.499.556	56.003.286.661

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
1. Các khoản phải thu	217.539.163.791	259.765.163.480
<i>Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	-	30.153.291.400
Công ty CP Bất động sản Thái An	-	12.000.000.000
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Công ty Cổ phần Tasco Thủ Đức	277.368.145	-
Công ty Cổ phần Tasco 6	823.699.693	889.873.002
Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	8.364.716.822	78.016.333.157
Công ty CP Bất động sản Thái An	131.486.800.000	60.000.000.000
<i>Phải thu khác</i>		
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	-	367.200.000
Công ty Cổ phần Tasco 6	-	255.056.321
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	710.345.625	1.244.971.102
<i>Trả trước cho người bán</i>		
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	37.556.083.267	-
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	8.921.397.083	-
Công ty CP Bất động sản Thái An	-	34.461.126.697
Công ty CP Tasco Trường Phát	8.913.334.739	13.243.851.848
Công ty CP ĐT và XD Tiến Phát	20.485.418.417	29.133.459.953
2. Các khoản phải trả	56.593.811.350	3.628.203.645
<i>Phải trả người bán</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	51.432.874.350	3.628.203.645
Công ty CP Bất động sản Thái An	5.160.937.000	-

6.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

6.3 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhàn

Phạm Văn Lương